TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08-4-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phương.

2. Ông Phạm Thành Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị G, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Đình C, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 12 năm 2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị G trình bày: Chị và anh Trần Đình C được mai mối rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 4 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được 21 năm thì xảy ra mâu thuẫn do anh C cờ bạc, bạo lực gia đình, không có trách nhiệm với vợ con. Vợ chồng chị thường xuyên gây gổ, kình cãi nên sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn

với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung tên là Trần Đình Đ, sinh năm 2000 và Trần Ngọc L, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2019. Hiện cháu L đang sống với chị. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu L và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Cháu Đ đã trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Chị và anh C tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Anh chị không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Đình C không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cũng như không tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị G được ly hôn với anh C, giao con chung cho chị G nuôi, chị G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con với anh Trần Đình C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Đình C đang cư trú tại thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Gái có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C, chị G.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, chỉ có chị G cung cấp tài liệu chứng cứ. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những tài liệu chứng cứ này và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Chị Lê Thị G và anh Trần Đình C tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 4 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa chị G, anh C là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị G nộp đơn yêu cầu ly hôn vì lý do trong thời gian chung sống anh C cờ bạc, bạo lực gia đình, không có trách nhiệm với vợ con. Vợ chồng chị thường xuyên

gây gổ, kình cãi nên sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Trong giai đoạn hòa giải tại Tòa án, anh C không đồng ý ly hôn, yêu cầu đoàn tụ nhưng không đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà bỏ mặc hạnh phúc gia đình. Tuy là vợ chồng nhưng anh chị sống ly thân một thời gian dài. Điều đó có thể chứng minh tình trạng hôn nhân giữa chị G, anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị G được ly hôn anh C.

[5] Về quan hệ con chung: Chị Gái và anh C có 02 con chung tên là Trần Đình Đ, sinh năm 2000 và Trần Ngọc L, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2019. Chị Gái yêu cầu được nuôi cháu L. Xét thấy, thời gian vợ chồng không sống chung, con ở với chị G, có sự gắn bó, thân thiết với mẹ và chị G vẫn đảm bảo các điều kiện để cháu L được phát triển bình thường. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu L cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Gái không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét. Riêng Trần Đình Đ đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ: Chị Gái không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Lê Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Cho chị Lê Thị G ly hôn anh Trần Đình C.

2. Giao con chung là cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2019 cho chị Lê Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Trần Đình C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Chị Lê Thị G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng

được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà chị G đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002845 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- UBND xã Phước Hòa (Số 32/2001);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên